

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN ĐÌNH TRIẾT

**CÁC TỘI PHẠM THAM NHỮNG
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**
(trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắklak)

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRỊNH QUỐC TOẢN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI PHẠM THAM NHỮNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc quy định các tội phạm tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam	8
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của các tội phạm tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam.....	8
1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định các tội phạm tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam	17
1.2. Khái quát lịch sử của các quy định về tội phạm tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999	19
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985	19
1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999	24
1.3. Các tội phạm tham nhũng trong Công ước quốc tế về chống tham nhũng và luật hình sự một số nước	27
1.3.1. Các tội phạm tham nhũng trong Công ước quốc tế về chống tham nhũng.....	27
1.3.2. Các tội phạm tham nhũng trong luật hình sự một số nước	32
Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỘI PHẠM THAM NHỮNG TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐAKLAK	37
2.1. Các dấu hiệu pháp lí hình sự của các tội tham nhũng trong Bộ luật hình sự hiện hành	37
2.1.1. Tội tham ô tài sản	37
2.1.2. Tội nhận hối lộ.....	40
2.1.3. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.....	45
2.1.4. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.....	47
2.1.5. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ	50

2.1.6. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi	53
2.1.7. Tội giả mạo trong công tác	55
2.2. Hình phạt áp dụng đối với các tội phạm tham nhũng	58
2.2.1. Hình phạt chính áp dụng với các tội phạm tham nhũng.....	62
2.1.2. Hình phạt bổ sung áp dụng với các tội phạm tham nhũng.....	64
2.3. Thực tiễn xét xử các tội phạm tham nhũng trên địa bàn tỉnh Đaklak	69
2.3.1. Khái quát tình hình chính trị - kinh tế - xã hội của địa bàn tỉnh Đaklak.....	69
2.3.2. Tình hình xét xử các tội phạm tham nhũng.....	71
2.4. Phân tích, nhận xét những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn xét xử các tội phạm tham nhũng và những nguyên nhân của nó.....	77
Chương 3: HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CÁC TỘI PHẠM THAM NHỮNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG	83
3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tham nhũng.....	83
3.1.1. Về mặt lý luận.....	83
3.1.2. Về mặt thực tiễn.....	84
3.1.3. Về mặt lập pháp	85
3.2. Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tham nhũng	86
3.2.1. Nhận xét.....	86
3.2.2. Nội dung hoàn thiện	86
3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tham nhũng	91
3.3.1. Tăng cường năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân	91
3.3.2. Tăng cường công tác xét xử nghiêm minh, kịp thời các tội phạm tham nhũng	93
KẾT LUẬN	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	100

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở Việt Nam, tham nhũng cũng đã gây ra những tác hại to lớn cho đời sống chính trị, kinh tế, làm xói mòn giá trị đạo đức, văn hoá, gia đình, xã hội, đặc biệt, tham nhũng làm giảm sút niềm tin của nhân dân, làm sai lệch các chủ trương, chính sách của đảng. Trước tình hình đó, tham nhũng đã trở thành vấn đề được Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội quan tâm. Điều này được thể hiện trong quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng (PCTN) đến năm 2020.

Việc nghiên cứu toàn diện và làm rõ hơn các tội phạm về tham nhũng có một ý nghĩa quan trọng không chỉ về mặt nhận thức mà còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có cơ sở pháp lý để phòng ngừa và đấu tranh với các hành vi phạm tội do người có chức vụ thực hiện. Trên cơ sở đó, tác giả chọn đề tài: “*Các tội phạm tham nhũng trong LHS Việt Nam (Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đaklak)*”. Tuy nhiên với phạm vi luận văn thạc sĩ, tác giả chỉ nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các tội phạm này trên cơ sở nghiên cứu số liệu thực tiễn xét xử từ năm 2008 đến năm 2014 trên địa bàn tỉnh ĐakLak.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trước tiên phải kể đến sách chuyên khảo giáo trình của các cơ sở đào tạo luật: 1) GS.TSKH. Lê Văn Cẩm (Chủ biên), *Giáo trình LHS Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003 (Chương Các tội phạm về chức vụ); 2) GS.TS. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình LHS Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003 (Chương Các tội phạm về chức vụ); 3) GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Giáo trình LHS Việt Nam*, Tập II, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2010 (Chương Các tội phạm về chức vụ); 4) GS.TSKH. Phan Xuân Sơn, TS. Phạm Thế Lực (Đồng chủ biên), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008; 5) Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Huy Hoàng (Chủ biên), *Pháp luật chống tham nhũng của các nước trên thế giới*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 2003; 7) ThS. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học BLHS - Phần các tội phạm*, Tập V - Các tội phạm về chức vụ, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2006;...

Thứ hai, dưới góc độ luận văn Thạc sĩ có đề tài “*Đổi mới tư duy*

pháp lý về đấu tranh phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay” của Ngô Duy Hiếu nghiên cứu tham nhũng, đấu tranh PCTN và việc đổi mới tư duy trong phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở Việt Nam. Luận văn Thạc sỹ Luật học “*Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*” của Trần Anh Tuấn nghiên cứu cơ sở lý luận của việc hoàn thiện pháp luật về PCTN, quá trình phát triển của pháp luật phòng, chống tham nhũng và thực trạng pháp luật về PCTN (đến năm 2006); đưa ra quan điểm, phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật phòng, chống tham nhũng của Việt Nam. Luận văn Thạc sỹ Luật học “*Các tội phạm về hối lộ theo LHS Việt Nam và Công ước quốc tế của Liên Hiệp quốc về chống tham nhũng*” của Vũ Việt Tường....

Thứ ba, dưới góc độ luận án Tiến sỹ có đề tài “*Tình hình, nguyên nhân và các biện pháp đấu tranh phòng, chống các tội tham nhũng*” của Nghiên cứu sinh Trần Công Phàn nêu bật quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh chống tham nhũng, phân tích tình hình tội phạm tham nhũng ở nước ta hiện nay và nguyên nhân của tình hình đó cùng các giải pháp đấu tranh phòng chống các tội tham nhũng. Luận án Tiến sỹ Luật học “*Tham nhũng trong Chính phủ Việt Nam: biểu hiện và cách khắc phục*” của Nghiên cứu sinh Lê Trung Kiên nghiên cứu bản chất của tham nhũng, nguyên nhân, các hình thức, tính năng và các biểu hiện của nó trong xã hội Việt Nam, trong tổ chức Chính phủ; xác định các hướng đi, cách thức và phương tiện để khắc phục trong điều kiện kinh tế và xã hội mới của nước ta. Luận án Tiến sỹ Luật học của Nghiên cứu sinh Nguyễn Hải Phong “*Hoạt động của Viện kiểm sát Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng ở Việt Nam*” nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng tội phạm về tham nhũng, dự báo, phương hướng, yêu cầu và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát (VKS) trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng ở Việt Nam.

Thứ tư, dưới góc độ đề tài khoa học cấp Nhà nước có đề tài “*Đấu tranh PCTN ở nước ta*” của Ban Nội chính Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực trạng tham nhũng ở Việt Nam, từ đó kiến nghị các giải pháp nhằm đấu tranh PCTN ở nước ta. Đề tài “*Luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược phòng ngừa và nâng cao hiệu quả đấu tranh PCTN ở Việt Nam cho đến năm 2020*” của tác giả Mai Quốc Bình, Phó Tổng Thanh tra cùng tập thể tác giả thuộc Thanh tra Chính phủ nghiên cứu một số vấn đề lý luận

chung về tham nhũng và công tác đấu tranh chống tham nhũng, thực trạng, hậu quả và nguyên nhân tham nhũng, tình hình công tác đấu tranh chống tham nhũng ở Việt Nam, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN với nhiệm vụ PCTN, kinh nghiệm về PCTN trên thế giới, các giải pháp phòng ngừa và nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng và việc xây dựng Chiến lược PCTN ở Việt Nam.

Thứ năm, dưới góc độ đề tài khoa học cấp cơ sở nghiên cứu vấn đề tham nhũng trên các phương diện khác nhau, có đề tài “*Một số vấn đề về tham nhũng trong khu vực tư và PCTN trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay*” do ThS. Nguyễn Vũ Quỳnh Lâm, Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra chính phủ làm Chủ nhiệm nghiên cứu khái niệm, lý luận và thực tiễn tham nhũng trong khu vực tư, đưa ra dự báo và giải pháp PCTN trong khu vực tư ở Việt Nam. Đề tài khoa học cấp cơ sở “*Vai trò của Hội người cao tuổi và Hội cựu chiến binh tham gia PCTN ở cơ sở*” do Th.S Nguyễn Thế Huệ, Viện Nghiên cứu Người cao tuổi Việt Nam làm Chủ nhiệm và Đề tài khoa học cấp cơ sở “*Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh với công tác PCTN ở Việt Nam*” do tác giả Nguyễn Tuấn Anh, Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra chính phủ làm Chủ nhiệm nghiên cứu vai trò của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đối với công tác PCTN và đưa ra giải pháp hoàn thiện cơ chế hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức nói trên trong công tác PCTN.

Ngoài ra còn có một số công trình khoa học, các bài viết nghiên cứu, đánh giá pháp luật về PCTN, thực hiện pháp luật về PCTN để góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật về PCTN.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó - Các tội phạm tham nhũng trong LHS Việt Nam (Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đaklak).

Đánh giá thực trạng tham nhũng trên địa bàn tỉnh DakLaK trong những năm gần đây (2009-2014);

Nghiên cứu các nội dung cơ bản của pháp luật về PCTN được thể hiện trong LHS Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành về tội phạm tham nhũng trong LHS Việt Nam;

Nghiên cứu khái niệm về tham nhũng, PCTN, pháp luật về PCTN, hoàn thiện pháp luật về PCTN và các tiêu chí đưa ra để làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về PCTN;

Phân tích pháp LHS Việt Nam và một số nước trên thế giới về tội phạm tham nhũng để chỉ ra khái niệm, cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định tội phạm này trong LHS Việt Nam;

Chỉ ra các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước và các giải pháp được đưa ra tập trung hoàn thiện các quy định của pháp luật về PCTN hiện hành để góp phần tích cực vào việc phòng ngừa tham nhũng.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Luận văn dựa trên cơ sở quan điểm, chủ trương, phương hướng nhiệm vụ của Đảng hiện nay về PCTN, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 3 (Khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp truyền thống: phân tích, so sánh, chứng minh, hệ thống hoá, thống kê, tổng hợp...

5. Ý nghĩa của luận văn

- Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng tham khảo trong quá trình nghiên cứu tìm ra các cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật về PCTN.

- Luận văn là tài liệu tham khảo cho cán bộ, công chức Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc nghiên cứu đề ra các giải pháp cụ thể trong công tác PCTN hoặc trực tiếp tham gia vào công tác PCTN, nhất là cán bộ, công chức thuộc khối nội chính.

6. Kết cấu của Luận văn

Ngoài lời nói đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về các tội phạm tham nhũng trong LHS Việt Nam.

Chương 2: Các tội phạm tham nhũng trong BLHS Việt Nam hiện hành và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đaklak.

Chương 3: Hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về các tội phạm tham nhũng và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI PHẠM THAM NHỮNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc quy định các tội phạm tham nhũng trong LHS Việt Nam

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của các tội phạm tham nhũng trong LHS Việt Nam

Trong các văn bản pháp LHS của Việt Nam từ trước đến nay chưa có điều luật nào quy định khái niệm thế nào là tội phạm tham nhũng mà mới chỉ quy định khái niệm về tội phạm về chức vụ nói chung tại Điều 277 BLHS năm 1999: “*Các tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ*”.

Thuật ngữ “tham nhũng” được các tổ chức, các quốc gia trên thế giới sử dụng và định nghĩa. Theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế tham nhũng là hành vi “của người lạm dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc cố ý làm trái pháp luật để phục vụ cho lợi ích cá nhân”. Theo Ngân hàng Thế Giới, tham nhũng là sự “*lạm dụng quyền lực công cộng nhằm lợi ích cá nhân*”. Ban nghiên cứu thuộc Hội đồng Châu Âu đã đưa ra khái niệm tham nhũng:

Ngân hàng Thế giới định nghĩa, tham nhũng là “*lạm dụng công quyền để tư lợi*”.

Qua phân tích các quan điểm về tham nhũng và tội phạm về tham nhũng ở Việt Nam cũng như trên thế giới, có thể đưa ra khái niệm tội phạm về tham nhũng như sau: *Tội phạm về tham nhũng là những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm uy tín và hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân do người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình thực hiện trong khi thi hành công vụ nhằm mục đích vụ lợi.*

1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định các tội phạm tham nhũng trong LHS Việt Nam

Đề phù hợp với quy định tại BLHS năm 1999, ngày 28/4/2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh PCTN, trong đó chỉ còn quy định bảy hành vi được coi là tham nhũng và tương đương với bảy tội danh được quy định trong Bộ luật này.

Như vậy, quy định của BLHS thành một mục riêng các tội phạm về tham nhũng có ý nghĩa chính trị - pháp lý, là cơ sở pháp lý quan trọng nhất

cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng mà Đảng và Nhà nước ta đang tích cực tiến hành; là cơ sở cho việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật chống tham nhũng. Các quy định của BLHS cũng là cơ sở nghiên cứu hoạch định chính sách chống tham nhũng của Nhà nước trong thời gian tới.

1.2. Khái quát lịch sử của các quy định về tội phạm tham nhũng trong LHS Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến khi ban hành BLHS năm 1999

1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985

- Sắc lệnh số 223/SL, ngày 27/11/1946 về trừng trị các tội hối lộ, phù lạt, biển thủ công quỹ.

Điều 1 Sắc lệnh quy định:

Tội đưa hối lộ cho công chức, tội công chức nhận hối lộ hoặc phù lạt, biển thủ công quỹ hay của công dân đều bị phạt khổ sai từ năm đến hai mươi năm và phạt bạc gấp đôi tang vật hối lộ, phù lạt hay biển thủ; tang vật hối lộ bị tịch thu sung công; người phạm tội có thể bị xử tịch thu nhiều nhất là đến ba phần tư gia sản; các đồng phạm và tòng phạm cũng bị phạt như trên.

Điều 2 Sắc lệnh quy định:

Người phạm tội đưa hối lộ cho một công chức mà tự ý cáo giác cho nhà chức trách việc hối lộ ấy và chứng minh rằng đưa hối lộ là vì bị công chức cưỡng bách ước hứa hay là dùng cách trá ngụy thì người ấy được miễn hết các tội. Trong trường hợp này, tang vật hối lộ được hoàn lại.

- Sắc lệnh 267/SL, ngày 15/6/1946 quy định trừng trị những âm mưu và hoạt động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch của Nhà nước.

- Pháp lệnh Trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản XHCN và Pháp lệnh Trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản riêng của công dân được ban hành ngày 21/10/1970.

- Chỉ thị số 139/TTg, ngày 28/5/1974 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn một số vấn đề xử lý các việc phạm pháp đã phát hiện trong quá trình thực hiện Nghị quyết 288/NQ-TW, ngày 12/01/1974 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cuộc đấu tranh chống lấy cắp tài sản XHCN, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt đời sống nhân dân.

- Sắc luật số 03/SL, ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam quy định một số tội phạm trong đó

có cả việc trừng trị các tội phạm lạm dụng chức vụ, quyền hạn, tội đưa và nhận hối lộ (Điều 7).

Ngoài ra, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà còn ban hành nhiều văn bản pháp luật để đấu tranh chống các tội phạm về tham nhũng như: Sắc luật 267/SL ngày 15/5/1956 về tội cố ý làm trái công tác phụ trách gây hậu quả nghiêm trọng; Sắc luật số 001/SL, ngày 19/4/1957 về cấm mọi hành vi đầu cơ kinh tế; Quyết định số 550/QĐ-TTg ngày 16/02/1971 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm lập quỹ trái phép trong các xí nghiệp và các cơ quan Nhà nước.

- Pháp lệnh Trừng trị các tội hối lộ được ban hành ngày 20/5/1981 đã thay thế các văn bản PLHS trước đó về các tội hối lộ.

1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành BLHS năm 1985 đến trước khi ban hành BLHS Việt Nam năm 1999

Để có những quy định cụ thể phục vụ cho công tác phòng chống tội phạm phù hợp với tình hình thực tế của từng giai đoạn, BLHS đã được sửa đổi, bổ sung liên tiếp: ngày 28/12/1989 (lần 1); ngày 12/8/1991 (lần 2); ngày 22/12/1992 (lần 3); ngày 10/5/1997 (lần 4).

Theo quy định của BLHS năm 1985 thì những dấu hiệu về các tội phạm tham nhũng, đó là:

- Chủ thể của các tội phạm về tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn;
- Các tội phạm về tham nhũng có dấu hiệu lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi trái với công vụ;
- Các tội phạm về tham nhũng xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội;
- Các tội phạm về tham nhũng có mục đích vụ lợi.

1.3. Các tội phạm tham nhũng trong Công ước quốc tế về chống tham nhũng và LHS một số nước

1.3.1. Các tội phạm tham nhũng trong Công ước quốc tế về chống tham nhũng

Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (Tiếng Anh: *United Nations Convention against Corruption*; viết tắt: UNCAC) đã được thông qua tại Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 31 tháng 10 năm 2003 (Nghị quyết 58/4).

Ông Peter Eigen, chủ tịch và là người sáng lập ra Tổ chức Minh bạch Quốc tế, nói: *Tệ tham nhũng là nguyên nhân chính của nghèo đói cũng như là rào cản trong việc chống đói nghèo trên thế giới. Cả hai nguyên nhân này làm cho người dân tại nhiều nước vẫn ở trong vòng luẩn quẩn của đói nghèo.*

Mục đích chung nhất của Công ước là hình thành một khuôn khổ pháp lý toàn cầu cho sự hợp tác giữa các quốc gia trong hoạt động PCTN thông qua hệ thống các biện pháp phòng, chống hữu hiệu.

Điều 1 Công ước khẳng định: *“Thúc đẩy và tăng cường các biện pháp nhằm đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu lực, hiệu quả hơn...Thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế và trợ giúp kỹ thuật trong phòng, chống tham nhũng, bao gồm cả việc thu hồi tài sản”*.

1.3.2. Các tội phạm tham nhũng trong LHS một số nước

*** LHS Thụy Điển**

Trong BLHS Thụy Điển, các tội về tham nhũng không được qui định thành một chương riêng mà quy định gộp vào cùng các tội khác: Vi phạm sự uỷ thác (Chương X). Bộ luật chỉ đề cập đến tội tham ô (Điều 1); tội biến thủ tài sản; tội bội tín.

Theo đó, đối với tội tham ô tài sản thì người nào do có liên quan đến một hợp đồng hay dịch vụ công cộng hay tư nhân hoặc các hoàn cảnh tương tự, được thay mặt người khác quản lý tài sản và chịu trách nhiệm chuyên giao hoặc nhận tiền thanh toán tài sản mà chiếm đoạt tài sản hoặc có các hành vi khác nhằm không thực hiện trách nhiệm của mình và nếu hành vi đó mang lại mỗi lợi cho mình và gây thiệt hại cho chủ sở hữu thì bị phạt tù đến 2 năm.

*** LHS nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa**

Các tội phạm về tham nhũng được quy định tại Chương VII của Bộ luật với tên gọi Tội tham ô hối lộ, gồm các tội: Tham ô; Lạm dụng công quỹ; Nhận hối lộ; Hối lộ.

Tội tham ô được định nghĩa là việc nhân viên Nhà nước lợi dụng chức vụ ngầm chiếm đoạt, cướp đoạt, lừa gạt hoặc bằng các thủ đoạn khác chiếm hữu phi pháp tài sản công cộng (Điều 382). Tại Điều 383 quy định các khung hình phạt đối với loại tội phạm này. Khung hình phạt cao nhất áp dụng trong trường hợp tham ô với mức từ 100.000 tệ trở lên sẽ bị phạt tù từ 10 năm trở lên hoặc tù chung thân, nếu có tình tiết đặc biệt nghiêm trọng sẽ bị xử tử hình. Đối với trường hợp tham ô ở mức từ 5000 tệ đến dưới 50000 tệ sẽ bị phạt tù từ 1 đến 7 năm trở lên, nếu có tình tiết đặc biệt nghiêm trọng sẽ bị phạt tù từ 7 năm đến 10 năm. Cá nhân tham ô ở mức từ 5000 đến dưới 10000 tệ, sau khi phạm tội có biểu hiện hối cải, tích cực hoàn trả có thể được giảm hoặc được miễn xử phạt hình sự và do đơn vị sở tại hoặc cơ quan chủ quản cấp trên xử phạt hành chính. Khung hình phạt nhẹ nhất được áp dụng đối với người phạm tội mà tài sản tham ô ở dưới

mức 5000 tệ, tình tiết tương đối nặng sẽ bị phạt tù từ 2 năm trở xuống hoặc cải tạo lao động; nếu tình tiết tương đối nhẹ sẽ do đơn vị sở tại hoặc cơ quan chủ quản cấp trên xem xét tình hình xử phạt hành chính. Trong tất cả những trường hợp người phạm tội có thể bị tịch thu tài sản hoặc bắt buộc bị tịch thu tài sản. Điều luật cũng quy định rất cụ thể, trường hợp tham ô nhiều lần mà chưa bị xử lý sẽ bị xử phạt theo tổng số tiền đã tham ô.

Có thể thấy, đối với tội tham nhũng, pháp luật Trung Quốc trừng trị rất nghiêm khắc đối với loại tội phạm này, mức hình phạt được áp dụng cao nhất là tử hình, chung thân, phạt tù có thời hạn với mức cao nhất là 10 năm, mức thấp nhất là xử phạt hành chính, cải tạo lao động. Ngoài các hình phạt trên, người phạm tội có thể bị phạt tiền. Giống như Việt Nam, mức hình phạt mà Trung Quốc áp dụng đối với người phạm tội tham nhũng rất nặng, nhiều tội danh có mức hình phạt là chung thân, tử hình.

*** LHS Nhật Bản**

BLHS Nhật Bản quy định các tội về tham nhũng tại chương XV của Bộ luật “Các tội về tham nhũng”. Theo quy định của Bộ luật, các tội phạm về tham nhũng bao gồm các tội sau: Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn của công chức; Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn của công chức đặc biệt thực hiện; Tội dùng vũ lực tra tấn do công chức đặc biệt thực hiện; Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn của công chức đặc biệt gây chết người hoặc gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Tội nhận hối lộ, nhận hối lộ tạ ơn, nhận hối lộ trước; Tội hối lộ cho người thứ ba; Trường hợp nhận hối lộ tăng nặng và nhận hối lộ sau; Tội nhận hối lộ để gây ảnh hưởng; Tội đưa hối lộ.

Chương 2

CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỘI PHẠM THAM NHŨNG TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐAKLAK

2.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội tham nhũng trong BLHS hiện hành

Việc xem xét các dấu hiệu pháp lý và đặc điểm chung của các tội phạm về tham nhũng giúp nhà làm luật và các cơ quan tư pháp phân biệt được các tội phạm về tham nhũng với các loại tội phạm khác, từ đó quy định và áp dụng những biện pháp phòng, chống một cách phù hợp, hiệu quả đối với từng loại tội phạm.

2.1.1. Tội tham ô tài sản

Tội tham ô tài sản quy định trong BLHS Việt nam năm 1999 (Điều 278), theo đó, Tội tham ô được hiểu là hành vi của người lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội được quy định tại Mục A Chương XXI BLHS Việt Nam, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2.1.2. Tội nhận hối lộ

Dưới góc độ pháp lý hình sự thì khái niệm hối lộ được mô tả một cách cụ thể và đầy đủ hơn. Theo đó, hối lộ có thể được hiểu theo cả nghĩa hẹp lẫn nghĩa rộng. Ở nghĩa hẹp, hối lộ được hiểu là người có chức vụ quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian đã hoặc sẽ nhận từ người khác tiền, tài sản hoặc một lợi ích cụ thể nào đó để làm hoặc không làm một việc gì đó có lợi cho người đưa hối lộ (Điều 279 BLHS). Ở nghĩa rộng, hối lộ bao gồm ba tội phạm độc lập: Tội nhận hối lộ (Điều 279 BLHS); Tội đưa hối lộ (Điều 289 BLHS) và Tội làm môi giới hối lộ (Điều 290 BLHS).

Trong BLHS nước ta, các hành vi nhận hối lộ, đưa hối lộ và làm môi giới hối lộ được quy định với tư cách là những tội phạm độc lập và được quy định ở những điều luật khác nhau bởi ba hành vi đó được thực hiện bởi ba chủ thể độc lập. Vì vậy, hối lộ thực chất là một nhóm các tội phạm.

2.1.3. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản

Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 280 BLHS. Theo đó, Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản được hiểu là hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương XXI BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, quyền sở hữu về tài sản của người khác.

2.1.4. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ

Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ được quy định tại Điều 281 BLHS. Theo đó, người phạm tội vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

- Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2.1.5. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ

Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ được quy định tại Điều 282 BLHS. Theo đó, người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân thì bị coi là phạm tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Điều 282 BLHS quy định ba khung hình phạt:

- Khung cơ bản có mức phạt tù từ một năm đến bảy năm.
- Khung tăng nặng ở khoản 2 có mức phạt tù từ năm năm đến mười hai năm trong trường hợp khi có một trong các tình tiết: (1) có tổ chức; (2) phạm tội nhiều lần; (3) gây hậu quả nghiêm trọng.
- Khung tăng nặng ở khoản 3 có mức phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm trong trường hợp khi có một trong các tình tiết: (1) gây hậu quả rất nghiêm trọng; (2) gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.
- Theo quy định tại khoản 4, Điều 282 BLHS, người phạm tội còn bị áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm, có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.

2.1.6. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi

Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi được quy định tại Điều 283 BLHS. Theo đó, Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi được hiểu là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới mười triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép.

2.1.7. Tội giả mạo trong công tác

Tội giả mạo trong công tác được quy định tại Điều 284 BLHS. Theo đó, Tội giả mạo trong công tác được hiểu là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu; làm, cấp giấy tờ giả; giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác.

- Tội giả mạo trong công tác xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước, hoặc của các tổ chức xã hội. Đối tượng của tội phạm này là những giấy tờ, tài liệu chứng thực một hoặc một vài sự kiện có ý nghĩa pháp lý. Những giấy tờ, tài liệu đó có thể do cơ quan Nhà nước, xí nghiệp, nhà máy hoặc của các tổ chức xã hội lập và cấp hoặc do những người có chức vụ, quyền hạn hay những người khác lập và được lưu trữ lại ở các hồ sơ của các cơ quan Nhà nước, hoặc của các tổ chức xã hội.

2.2. Hình phạt áp dụng đối với các tội phạm tham nhũng

Một trong những nguyên tắc cơ bản của PLHS Việt Nam là một người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm được quy định trong BLHS thì phải chịu TNHS và *“Chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu TNHS”* (Điều 2 BLHS năm 1999).

Cơ sở của TNHS là việc thực hiện hành vi cấu thành một tội đã được BLHS quy định. Một người chỉ có thể bị truy cứu TNHS khi có đủ các dấu hiệu sau đây:

- Đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được BLHS bảo vệ;
- Hành vi đó được BLHS quy định là tội phạm;
- Người đó có năng lực TNHS, tức là khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình;
- Người đó đủ tuổi chịu TNHS theo quy định tại Điều 12 BLHS;
- Người đó có lỗi (cố ý hoặc vô ý theo quy định của pháp luật) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đó.

Các tội phạm về tham nhũng được quy định trong Mục A Chương XXI BLHS năm 1999, là những tội phạm nguy hiểm xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đó chính là các quan hệ xã hội mà LHS có nhiệm vụ bảo vệ.

2.2.1. Hình phạt chính áp dụng với các tội phạm tham nhũng

Hình phạt chính là hình phạt được tuyên độc lập với người phạm tội. Tại khoản 1, Điều 28 BLHS năm 1999 quy định các loại hình phạt chính có thể được áp dụng đối với người phạm tội, bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

Trong đó các hình phạt chính được áp dụng đối với các tội phạm về tham nhũng, gồm: cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

Có thể chia các hình phạt chính áp dụng đối với các tội phạm về tham nhũng thành 3 nhóm: *thứ nhất*, các hình phạt chính không phải là hình phạt tù; *thứ hai*, hình phạt tù có thời hạn; *thứ ba*, hình phạt chung thân và tử hình.

2.1.2. Hình phạt bổ sung áp dụng với các tội phạm tham nhũng

Khoản 2, Điều 28 BLHS năm 1999 quy định hình phạt bổ sung bao gồm: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm một công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất khi không áp dụng là hình phạt chính.

2.3. Thực tiễn xét xử các tội phạm tham nhũng trên địa bàn tỉnh Đaklak

2.3.1. Khái quát tình hình chính trị - kinh tế - xã hội của địa bàn tỉnh Đaklak

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên, đầu nguồn của hệ thống sông Sêrêpôk và một phần của sông Ba, nằm trong khoảng tọa độ địa lý từ 107^o28'57" đến 108^o59'37" độ kinh Đông và từ 12^o9'45" đến 13^o25'06" độ vĩ Bắc, có độ cao trung bình 400 – 800 mét so với mặt nước biển, nằm cách Hà Nội 1.410 km và cách Thành phố Hồ Chí Minh 350 km. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp Phú Yên và Khánh Hòa; Phía Nam giáp Lâm Đồng và Đắk Nông; phía Tây giáp Campuchia; Đắk Lắk có diện tích 13.125,37 km², dân số toàn tỉnh tính đến năm 2012 đạt 1.796.666 người, mật độ dân số đạt hơn 137 người/km². Trong đó, dân số sống tại thành thị đạt 432.458 người, dân số sống tại nông thôn đạt 1.364.208 người. Dân số nam đạt 906.619 người, dân số nữ đạt 890.047 người. Cộng đồng dân cư Đắk Lắk gồm 47 dân tộc. Trong đó, người Kinh chiếm trên 70%; các dân tộc thiểu số như Ê Đê, M'nông, Thái, Tày, Nùng... chiếm gần 30% dân số toàn tỉnh. Dân số tỉnh phân bố không đều trên địa bàn các huyện, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, thị trấn, huyện lỵ, ven các trục Quốc lộ 14, 26, 27 chạy qua như Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Ana. Các huyện có mật độ dân số thấp chủ yếu là các huyện đặc biệt khó khăn như Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông, M'Đrăk, Ea Hleo v.v...

2.3.2. Tình hình xét xử các tội phạm tham nhũng

Sau đây là số liệu thống kê hoạt động xét xử các tội phạm tham nhũng của ngành Tòa án ĐakLak trong những năm gần đây 2010 - 2014.

**Bảng 2.1: Số vụ án sơ thẩm về từng tội phạm tham nhũng
từ năm 2010 đến 2014**

Tội danh	Năm	2010	2011	2012	2013	2014	Tổng cộng
Tội tham ô tài sản		6	3	10	7	0	26
Tội nhận hối lộ		10	3	3	1	0	17
Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản		10	6	0	3	4	23
Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ		3	3	3	1	3	13
Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ		0	3	0	0	0	3
Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi		0	0	0	0	0	0
Tội giả mạo trong công tác		0	0	1	0	0	1
Tội đưa hối lộ		0	2	0	0	0	2
Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng		0	0	1	0	0	1
Tổng cộng		29	20	18	12	7	86

(Nguồn: TAND tỉnh Daklak)

**Bảng 2.2: Số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về từng tội phạm tham nhũng
từ năm 2010 đến 2014**

Tội danh	Năm	2010	2011	2012	2013	2014	Tổng
Tội tham ô tài sản		12	1	9	5	0	27
Tội nhận hối lộ		41	5	4	1	0	51
Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản		14	9	1	3	5	32
Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ		16	11	17	2	17	63
Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ		0	1	0	1	0	2
Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi		0	0	0	0	0	0
Tội giả mạo trong công tác		0	0	12	0	0	12
Tội đưa hối lộ		0	4	0	0	0	4
Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng		0	0	2	0	0	2
Tổng cộng		83	31	45	12	22	193

(Nguồn: TAND tỉnh Daklak)

Từ năm 2010 tổng số vụ án tham nhũng là 29 vụ/83 bị cáo đến năm 2011 là 20 vụ/31 bị cáo (số vụ giảm 31%, số bị cáo giảm 62%); năm 2012 là 18 vụ/45 bị cáo (so với 2010, số vụ giảm 37%, số bị cáo giảm 45%) năm 2012 số vụ án có giảm so với năm 2011 nhưng số bị cáo tăng 45% so với năm 2011 phần nào cho thấy mức độ đồng phạm, phức tạp tăng lên. Năm 2013 số vụ án tham nhũng là 12 vụ/12 bị cáo (so với năm 2010 số vụ án giảm 59%, số bị cáo giảm 85%) thể hiện trong năm 2013 không có vụ nào có đồng phạm. Năm 2014 số vụ án tham nhũng là 7 vụ/22 bị cáo (so với năm 2010 số vụ giảm 76%, số bị cáo giảm 73%) so với năm 2013 số vụ giảm 42% nhưng số bị cáo tăng 83% cho thấy số vụ án đồng phạm lại tiếp tục gia tăng.

Từ bảng 2.1 và 2.2 ta có tỉ lệ các vụ án và số bị cáo của từng tội danh trong tổng số các tội phạm về tham nhũng trên địa bàn tỉnh ĐakLak trong 5 năm 2010 – 2014 như sau:

Bảng 2.3: Tỉ lệ các tội danh và bị cáo trong nhóm tội phạm về tham nhũng đã xét xử trên địa bàn tỉnh ĐakLak từ 2010 – 2014

	Tỉ lệ vụ án		Tỉ lệ bị cáo	
	Số vụ	Tỉ lệ	Số bị cáo	Tỉ lệ %
Tổng số (2010 - 2014)	86	100%	193	100
Tội tham ô tài sản	26	30%	27	14%
Tội nhận hối lộ	17	20%	51	26%
Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản	23	27%	32	17%
Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ	13	15%	63	33%
Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ	3	3,3%	2	1%
Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi	0	0%	0	0%
Tội giả mạo trong công tác	1	1,2%	12	6%
Tội đưa hối lộ	2	2,3%	4	2
Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng	1	1,2%	2	1

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ số liệu TAND tỉnh ĐakLak)

Từ hai bảng số liệu trên cho thấy số lượng án tham nhũng ở tỉnh ĐakLak có xu hướng giảm. Tuy nhiên, để xác định tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm thì hai bảng số liệu trên chưa thể hiện hết, chúng ta có thể căn cứ vào bảng số liệu tổng hợp các hình thức TNHS được áp dụng đối với các tội về tham nhũng đã xét xử sơ thẩm (từ 2010 đến 2014)

Bảng 2.4: Các hình thức TNHS được áp dụng đối với các tội về tham nhũng đã xét xử sơ thẩm (từ 2010 đến 2014)

TNHS	Năm Bị cáo	Năm Bị cáo	Năm Bị cáo	Năm Bị cáo	Năm Bị cáo	Tổng cộng
	2010	2011	2012	2013	2014	
Không có tội	0	3	0	0	0	3
Miễn TNHS hoặc hình phạt	0	0	0	0	0	0
Trục xuất	0	0	0	0	0	0
Hình phạt cảnh cáo	3	0	2	2	0	7
Phạt tiền	35	2	5	0	3	45
Hình phạt cải tạo không giam giữ	0	0	0	0	0	0
Án treo	3	4	8	1	6	22
Tù từ 7 năm trở xuống	32	20	25	8	11	96
Tù từ 7 năm đến 15 năm	8	2	5	1	2	18
Tù từ 15 năm đến 20 năm	2	0	0	0	0	2
Tù chung thân và tử hình	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: TAND tỉnh ĐakLak)

Từ bảng số liệu trên cho thấy, hình thức TNHS được áp dụng cho các bị cáo bị xét xử chiếm tỉ lệ cao nhất là hình phạt tù từ 7 năm tù trở xuống, chiếm tỉ lệ là 50% (96 bị cáo/193 bị cáo); hình thức TNHS chiếm tỉ lệ cao thứ hai là hình phạt tiền chiếm 23% (45 bị cáo/193 bị cáo); hình thức TNHS chiếm tỉ lệ cao thứ ba là hình phạt tù có điều kiện – án treo chiếm 11,4%; hình thức TNHS chiếm tỉ lệ cao thứ tư là hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm, chiếm 9,3%; loại TNHS nặng nhất đã được áp dụng – hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm chiếm tỉ lệ rất thấp là 1%; ngoài ra có 3 bị cáo được tuyên không có tội, chiếm 1,6% và hình phạt cảnh cáo chiếm 3,6%; loại TNHS cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, cải tạo không giam giữ, trục xuất và miễn TNHS hoặc hình phạt không có trường hợp nào bị áp dụng. Tất cả các số liệu trên cho thấy loại tội phạm tham nhũng trên địa bàn tỉnh ĐakLak 5 năm gần đây khá đa dạng, phức tạp với mức độ nguy hiểm khác nhau. Tuy nhiên số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng không nhiều mà chủ yếu là loại tội phạm nghiêm trọng và rất nghiêm trọng điều đó cho thấy hậu quả của loại tội phạm này gây ra rất lớn cho xã hội.

Đó là kết quả của xét xử sơ thẩm, tuy nhiên chất lượng xét xử sơ thẩm loại tội phạm này của ngành Tòa án nhân dân tỉnh ĐakLak rất cao, được thể hiện qua bảng số liệu kết quả xét xử phúc thẩm sau:

Bảng 2.5: Các hình thức TNHS được áp dụng đối với các tội về tham nhũng đã xét xử phúc thẩm (từ 2010 đến 2014)

TNHS	Năm Bị cáo	Năm Bị cáo	Năm Bị cáo	Năm Bị cáo	Năm Bị cáo	Tổng cộng	Tỉ lệ
	2010	2011	2012	2013	2014		
Giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm	0	1	3	0	1	5	19,2%
Miễn TNHS hoặc hình phạt	0	0	0	0	0	0	0%
Chuyển từ cho hưởng án treo sang hình phạt tù	0	0	0	1	0	1	3,8%
Chuyển từ hình phạt khác sang hình phạt tù	0	0	0	0	0	0	0%
Tăng hình phạt tù	0	0	0	0	0	0	0%
Chuyển từ hình phạt tù sang cho hưởng án treo	1	0	8	0	1	10	38,5%
Giảm hình phạt	2	1	3	1	3	10	38,5%
Thay đổi tội danh	0	0	0	0	0	0	0%
Hủy bản án sơ thẩm	0	0	0	0	0	0	0%
Tổng cộng	3	2	14	2	5	26	

(Nguồn: TAND tỉnh Daklak)

Kết quả xét xử phúc thẩm cho thấy, tỉ lệ kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm chiếm tỉ lệ thấp chiếm 13% (26 bị cáo/193 bị cáo); tỉ lệ án hủy là 0%, thay đổi tội danh, tăng hình phạt đều chiếm 0%, tỉ lệ giữ nguyên bản án sơ thẩm khá cao chiếm 19,2%, tỉ lệ sửa án sơ thẩm chiếm tỉ lệ cao nhất nhưng chủ yếu đều là sửa theo hướng giảm nhẹ TNHS còn sửa theo hướng tăng nặng chiếm tỉ lệ rất thấp là 3,8%. Điều này cho thấy hoạt động điều tra, truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm đạt chất lượng rất cao nên kết quả giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đã phản ánh đúng mức độ nguy hiểm của tội phạm và chúng ta có thể căn cứ vào kết quả xét xử đó để đánh giá tội phạm tham nhũng trên địa bàn tỉnh ĐakLak trong 5 năm gần đây như trên là hoàn toàn có căn cứ.

2.4. Phân tích, nhận xét những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn xét xử các tội phạm tham nhũng và những nguyên nhân của nó

Những kết quả đã đạt được thì vẫn còn có những hạn chế, tồn tại.

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên phải thay đổi khung hình phạt trong quá trình xét xử.

Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi của bị cáo.

Thứ ba, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không đúng và bất lợi cho bị cáo.

Một số tồn tại trên đây do nguyên nhân chủ quan, khách quan sau:

Thứ nhất, Các đối tượng thực hiện hành vi tham nhũng đều là người có chức vụ, quyền hạn, có trình độ chuyên môn cao, kiến thức hiểu biết xã hội rộng, nên thực hiện hành vi phạm tội với phương thức, thủ đoạn thường rất tinh vi, gây khó khăn cho quá trình điều tra xác minh và xử lý;

Thứ hai, Một số cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội còn sơ hở, thiếu đồng bộ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng; một số quy định của pháp luật liên quan tới việc phát hiện, xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, khen thưởng và bảo vệ người tố cáo tham nhũng chưa đầy đủ.

Thứ ba, Hoạt động giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng, xây dựng, phục vụ công tác PCTN còn nhiều bất cập, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng; tình trạng suy thoái đạo đức.

Thứ tư, năng lực, phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, công chức làm công tác phòng chống tham nhũng chưa đáp ứng so với yêu cầu nhiệm vụ; hiệu quả hoạt động của một số cơ quan, đơn vị có chức năng phát hiện, xử lý tham nhũng còn hạn chế.

Thứ năm, việc nhận thức và đánh giá chứng cứ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đôi khi chưa thống nhất, còn có sự khác biệt; số lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên có kinh nghiệm, am hiểu trong các lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Ngân hàng, ngoại ngữ, tin học không có nhiều; phần lớn kiến thức còn hạn chế nên gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình điều tra, xử lý án tham nhũng

Chương 3

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CÁC TỘI PHẠM THAM NHŨNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về các tội phạm tham nhũng

3.1.1. Về mặt lý luận

Trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, pháp luật được coi là công cụ cứng rắn nhất và không thể thiếu được. Lịch sử đấu tranh chống tham nhũng trên thế giới cho thấy, nếu thiếu công cụ pháp luật thì cuộc đấu tranh này chỉ là cuộc chiến nửa vời dọa tham nhũng chứ không diệt được tham nhũng. Vai trò của pháp luật trong đấu tranh chống tham nhũng được thể hiện ở nhiều nội dung khác nhau, từ việc xác định thể nào là tham nhũng, các loại hành vi tham nhũng, các biện pháp phòng ngừa, các loại chế tài cho tới hình thức và biện pháp xử lý tham nhũng.

3.1.2. Về mặt thực tiễn

Ban hành các đạo luật nghiêm khắc trừng trị tội phạm tham nhũng, hối lộ và các tội phạm về chức vụ, quyền hạn khác. Quy định rõ các hành vi tham nhũng, hình phạt nghiêm khắc bao gồm: Xử lý về hình sự, xử lý hành chính, chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng. Bên cạnh đó, phải có các chế định pháp lý mạnh mẽ trang bị cho các cơ quan chức năng, quyền hạn lớn để độc lập trong điều tra, xử lý tham nhũng. Tạo các cơ chế kiểm soát, giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước, nhất là các cơ quan quản lý kinh tế, các cơ quan bảo vệ pháp luật... do đó việc hoàn thiện các tội phạm về hối lộ trong BLHS Việt Nam trên cơ sở tiếp thu Công ước quốc tế của LHQ về chống tham nhũng trở lên rất cần thiết.

3.1.3. Về mặt lập pháp

Thứ nhất, Công ước quốc tế của LHQ về chống tham nhũng cũng đã cảnh báo các hành vi tham nhũng, hối lộ, làm giàu bất hợp pháp đặc biệt gây phương hại cho các thể chế dân chủ, các nền kinh tế quốc dân và chế độ pháp quyền.

Thứ hai, So với quy định về hành vi tham nhũng trong Luật phòng, chống tham nhũng (12 hành vi), các tội phạm về tham nhũng trong BLHS được quy định với ít tội danh hơn (7 tội danh cho 7 loại hành vi).

Thứ ba, qua quá trình áp dụng các quy định của BLHS về các tội phạm tham nhũng đã thấy rõ vai trò quan trọng của các quy định này trong xử lý tội phạm tham nhũng. Tuy nhiên, cũng chính từ hoạt động thực tiễn áp dụng các quy định đó cho thấy đã phát sinh một số quy định không phù hợp cần phải được sửa đổi, bổ sung để nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

3.2. Hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về các tội phạm tham nhũng

3.2.1. Nhận xét

BLHS Việt Nam năm 1999, đã quy định 07 cấu thành tội phạm về

tham nhũng, điều đó có thể thấy chủ chương đường lối của Đảng và Nhà nước về phòng chống tham nhũng là rất quan trọng. Việc quy định của BLHS thành một mục riêng các tội phạm về tham nhũng có ý nghĩa chính trị pháp lý quan trọng, BLHS là cơ sở pháp lý cốt lõi nhất trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng; là cơ sở cho việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phòng chống tham nhũng. Các quy định của BLHS cũng là cơ sở để nghiên cứu và hoạch định chính sách chống tham nhũng của Nhà nước trong thời gian tới

3.2.2. Nội dung hoàn thiện

BLHS cần sửa đổi, bổ sung thêm những vấn đề sau:

Thứ nhất, về mặt thuật ngữ, cần bổ sung thêm khái niệm tội phạm về tham nhũng bên cạnh khái niệm tội phạm về chức vụ. *Tội phạm về tham nhũng là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm mục đích vụ lợi.*

Thứ hai, về mặt kỹ thuật lập pháp: cần kết cấu lại chương, bổ sung thêm các điều cho phù hợp hơn.

Thứ ba, BLHS năm 1999 chưa quy định TNHS của pháp nhân. Đây sẽ là cản trở cho Việt Nam khi xem xét truy cứu TNHS đối với một số tội phạm tham nhũng, đặc biệt gây khó khăn cho hợp tác quốc tế.

Thứ tư, cần mở rộng chủ thể đối với loại tội phạm tham nhũng đối với khu vực tư. Hiện nay, nước ta hiện nay phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, có sự quản lý của Nhà nước.

Thứ năm, Qua nghiên cứu về các tội phạm tham nhũng chúng ta cần hình sự hóa hành vi tham nhũng và thực thi pháp luật.

Thứ sáu, cần sửa đổi, bổ sung một số quy định về hình phạt đối với các tội phạm về tham nhũng, trong đó có tội về tử hình.

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS Việt Nam về các tội phạm tham nhũng

3.3.1. Tăng cường năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân

Phải tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các ngành Công an, VKS và các cơ quan chức năng khác để khẩn trương phát hiện, điều tra, kiên quyết đưa ra truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh các tội phạm về tham nhũng; cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với người chủ mưu, cầm đầu, người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc làm thất thoát số lượng lớn tài sản của Nhà nước. Việc xử phạt tù nhưng cho

hưởng án treo chỉ áp dụng đối với những bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng đặc biệt, đúng với quy định của pháp luật và hướng dẫn của liên ngành tư pháp trung ương và TANDTC. Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 6/11/2013, hướng dẫn áp dụng Điều 60 BLHS về án treo, theo hướng quy định chặt chẽ, cụ thể hơn các điều kiện cho hưởng án treo, đặc biệt là đối với các bị cáo phạm tội về tham nhũng, chức vụ.

3.3.2. Tăng cường công tác xét xử nghiêm minh, kịp thời các tội phạm tham nhũng

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng, chống tham nhũng. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí" theo Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Hội nghị Trung ương 5, khoá XI.

Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, truyền thông về công tác phòng, chống tham nhũng.

Thứ ba, tiếp tục khẩn trương bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế - xã hội; đẩy mạnh cải cách hành chính, kiên quyết loại bỏ những cản trở về thể chế và thủ tục hành chính tạo điều kiện cho sách nhiễu, tham nhũng.

Thứ tư, tiếp tục thực hiện chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, hoàn thiện thể chế và tăng cường năng lực thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát, điều tra, truy tố xét xử trong phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng. Trước mắt cần tập trung hơn nữa công tác phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng để đủ sức răn đe, phòng ngừa tham nhũng.

Thứ năm, tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng chống tham nhũng theo hướng:

Thứ sáu, phát huy vai trò của xã hội trong phòng, chống tham nhũng. Huy động sức mạnh quần chúng nhân dân tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và các cơ quan, tổ chức, đơn vị để phát hiện, đấu tranh với các hiện tượng tham nhũng.

Thứ bảy, đẩy mạnh và tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng. Chủ động hội nhập quốc tế trên lĩnh vực phòng, chống tham nhũng.

KẾT LUẬN

Qua phân tích, nghiên cứu các quan điểm về tham nhũng của một số nước trên thế giới, của nước ta qua các thời kỳ và các quy định của pháp luật hiện hành và thực trạng xét xử tội phạm về tham nhũng trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk trong những năm gần đây, tác giả rút ra một số kết luận sau:

1. Tham nhũng là vấn đề quan trọng đang được các tầng lớp nhân dân đặc biệt quan tâm, nó ảnh hưởng đến chế độ chính trị, phát triển KTXH.

2. Việc nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật về PCTN phải dựa trên những quan điểm nhất định. Pháp luật về PCTN phải thể chế hoá được các đường lối, chính sách của Đảng, phải dựa trên các nguyên tắc về xây dựng Nhà nước pháp quyền và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam, phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, gắn PCTN với cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phát huy dân chủ, thực hành tiết kiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu, lãng phí.

3. Trong quá trình áp dụng pháp luật để xử lý tội phạm tham nhũng vẫn còn nhiều bất cập, tất cả những khó khăn, bất cập từ phía chủ quan, khách quan như vùng miền, trình độ văn hóa của chủ thể tội phạm, của cán bộ công chức trên địa bàn cụ thể dẫn đến việc đấu tranh phòng chống tham nhũng ngày càng trở lên cần thiết.